TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2018/DS-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T-THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Phạm Thị Nhung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).
Trụ sở: 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970.
Theo giấy ủy quyền số 1237/2018/UQ-TTT ngày 13/8/2018
Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: 134 đường L, phường P, quận T, thành phố H.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (gọi tắt là ngân hàng) do ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Phan Thanh T Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2015, ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng, ông T đã giao dịch nhiều lần với tổng số tiền 175.544.241 đồng, ông T đã thanh toán 147.410.863 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/7/2017 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/7/2018, ông T còn nợ số tiền gốc 38.780.388 đồng, lãi quá hạn 15.666.495 đồng, tổng cộng 54.446.883 đồng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí thanh toán như thỏa thuận.

Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán số nợ còn lại theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên tính đến ngày 26/10/2018 thì ông T còn nợ số tiền tổng cộng là 58.740.850 *(Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi)* đồng; trong đó nợ gốc 38.780.388 đồng, lãi quá hạn 19.960.462 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông Phan Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn do ông Lã Ngọc M đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông T nhưng ông T vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Ông M có đơn xin vắng mặt là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nhận thấy tại Hợp đồng thể hiện ông Phan Thanh T ký với Ngân hàng là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã không thanh toán đầy đủ số tiền gốc là lãi theo như thỏa thuận, vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền 58.740.850 *(Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi)* đồng; trong đó nợ gốc 38.780.388 đồng, lãi quá hạn 19.960.462 đồng là có cơ sở.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để giải quyết nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Phan Thanh T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng cộng là 58.740.850 *(Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi)* đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Phiếu xác minh của cơ quan công an phường Phú Thọ Hòa, quận T, thành phố H xác minh: Đương sự Phan Thanh Triều có hộ khẩu thường trú tại 134 đường L, phường P, quận T, thành phố H nhưng không thực tế cư trú từ tháng 8/2015. Ngân hàng khởi kiện ông T có nơi cư trú cuối cùng tại quận T, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán số nợ còn lại theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên tính đến ngày 26/10/2018 là 58.740.850 *(Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi)* đồng; trong đó nợ gốc 38.780.388 đồng, lãi quá hạn 19.960.462 đồng và thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2015 ông T ký với Ngân hàng thì sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 386 và Điều 388 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng trên, ông T là bên vi phạm hợp đồng không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số tiền tổng cộng là 58.740.850 *(Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi)* đồng; thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, đúng pháp luật phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng và tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kể từ ngày 27/10/2018 ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2015, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông Phan Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.740.850 x 5% = 2.937.043 *(Hai triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi ba)* đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.361.172 *(Một triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm bảy mươi hai)* đồng cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 3 Điều 228, Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Buộc ông Phan Thanh T thanh toán nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2015 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank), số tiền 58.740.850 *(Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi)* đồng; trong đó nợ gốc 38.780.388 *(Ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ngàn ba trăm tám mươi tám)* đồng, lãi quá hạn 19.960.462 *(Mười chín triệu chín trăm sáu mươi ngàn bốn trăm sáu mươi hai)* đồng.

Kể từ ngày 27/10/2018 ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2015, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

2. Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Thanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.937.043 *(Hai triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi ba)* đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.361.172 *(Một triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm bảy mươi hai)* đồng theo Biên lai thu số 0011731 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án; bị đơn ông Phan Thanh T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. H;
- Lưu VP, hồ sơ (Tiến).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hòa